

Số: /GPMT-UBND

Sơn La, ngày tháng 7 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2844/QĐ-UBND ngày 15/11/2008 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền gạch Tuynel số II - Nhà máy gạch Tuynel Mộc Châu, tỉnh Sơn La công suất 15-20 triệu viên/năm;

Xét Công văn số 38/VLXD I ngày 28/5/2025 của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy gạch Tuynel Mộc Châu; Công văn số 45/VLXD I ngày 24/6/2025 của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La về việc tiếp thu, giải trình các nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy gạch Tuynel Mộc Châu và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 735/TTr-SNNMT ngày 03/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La (địa chỉ tại Số 71, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 8, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La,

tỉnh Sơn La nay là đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy gạch Tuynel Mộc Châu tại Tổ dân phố 19/8, phường Mường Sang, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La (*nay là Tổ dân phố 19/8, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La*) với các nội dung:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Mộc Châu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố 19/8, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5500154663 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh (*nay là Sở Tài chính*) đăng ký lần đầu ngày 17/6/2005; Cấp thay đổi lần thứ 5, ngày 20/3/2019.

1.4. Mã số thuế: 5500154663.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất gạch Tuynel.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích: 36.080 m².

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất hoạt động: Sản xuất gạch Tuynel công suất 15-20 triệu viên/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất: Đất sét → Kho chứa → Máy cấp liệu → Máy cán thô → Máy cán mịn → Máy nghiền nhào → Máy ép tạo hình chân không (*gạch đặc, gạch 02 lỗ, gạch 04 lỗ, gạch 06 lỗ,...*) → Máy cắt gạch tự động → Phơi gạch mộc → Lò sấy tuynel → Lò nung tuynel → Ra gong → Phân loại thành phẩm → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu

về bảo vệ môi trường tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Được phép thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La có trách nhiệm.

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **06 năm** kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 26/02/2031.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình cấp Giấy phép môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để

xem xét quyết định.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, XD, KH&CN;
- UBND phường Mộc Châu;
- Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục số 01**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /7/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động tắm giặt, vệ sinh (tại khu nhà vệ sinh) của công nhân làm việc tại nhà máy.

- Nguồn 02: Nước thải phát sinh từ bữa ăn của công nhân làm việc tại nhà máy.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rãnh thoát nước chung tại khu vực Tổ dân phố 19/8, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La sau đó chảy ra suối Nà Bó.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Điểm xả thải nước thải sinh hoạt tại rãnh thoát nước chung khu vực Tổ dân phố 19/8, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Tọa độ: X = 2304210; Y = 561719 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}00'$, múi chiếu 3^o).

- Điểm xả thải có biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1,78 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K = 1,2, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT cột B - C _{max}	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ^o C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		

7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động tắm giặt, vệ sinh (*tại khu nhà vệ sinh*) và nước thải sinh hoạt phát sinh từ bếp ăn của công nhân làm việc tại nhà máy được thu gom về 01 bể tự hoại 03 ngăn dung tích $2,5 \text{ m}^3$ để xử lý, sau đó nước sau xử lý theo đường ống PVC D110 dài 3 m dẫn đầu nối vào rãnh thoát nước chung của khu vực phía Đông Nhà máy được dẫn ra suối Nà Bó.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt (*nhà vệ sinh, bếp ăn*) → Bể tự hoại 03 ngăn dung tích $2,5 \text{ m}^3$ (*ngăn chứa, ngăn lắng, ngăn lọc*) → Hệ thống đường ống PVC D110 → Rãnh thoát nước chung của khu vực. Hóa chất, vật liệu sử dụng: Men vi sinh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ kiểm tra công trình thiết bị, đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thường xuyên giám sát, theo dõi hoạt động của rãnh thoát nước, hố ga để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Định kỳ hút bùn thải tại bể tự hoại và chuyển giao đơn vị có đầy đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật cho cán bộ môi trường để đảm bảo ứng phó kịp thời với các sự cố về môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính

phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. Đảm bảo tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa với hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt. Tuyệt đối không được phép xả nước thải ra ngoài môi trường.

3.3. Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Xây dựng kế hoạch và có lộ trình cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

Phụ lục số 02**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-T-UBND ngày /7/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Ống khói lò sấy.
- Nguồn số 02: Ống khói lò nung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả thải: Ống khói thoát khí của hệ thống xử lý khí thải lò sấy và lò nung Nhà máy gạch (vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Nhà máy gạch Tuynel Mộc Châu tại Tổ dân phố 19/8, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La). Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 104^0 , múi chiều 3^0).

- Nguồn số 01: X (m): 2304074; Y(m)= 561578.
- Nguồn số 02: X (m): 2304083; Y(m)= 561605.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 27.761 Nm³/h, trong đó:

- Nguồn số 01: 13.318 Nm³/h (lưu lượng khí ở điều kiện tiêu chuẩn) tương đương 18.180 m³/h ở điều kiện thường.
- Nguồn số 02: 14.443 Nm³/h (lưu lượng khí ở điều kiện tiêu chuẩn) tương đương 20.250 m³/h ở điều kiện thường.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Phương thức xả: Xả cưỡng bức.
- Thời gian xả thải: Liên tục.

2.2.2. Chất lượng bụi, khí thải của nguồn số 01, 02 trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, (Cột B - C_{max}). Cụ thể như sau:

Thông số và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải lò sấy

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 19:2009/BTNMT) Cột B (C _{max})	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	Tần suất 01 năm/lần (kèm theo thông số	Không thuộc đối tượng
2	Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂	mg/Nm ³	400		

3	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm ³	800	lưu lượng, áp suất, nhiệt độ)	
4	Nitơ Oxyt, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680		

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức: $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó: C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm³. Giá trị C được áp dụng tại cột B để làm cơ sở tính toán. $K_p = 1,0$ (Lưu lượng nguồn thải (m³/h), $P \leq 20.000$). $K_v = 0,8$ (Nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km; cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km).

Thông số và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải lò nung

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 19:2009/BTNMT) Cột B (C_{max})	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	144	Tần suất 01 năm/lần (kèm theo thông số lưu lượng, áp suất, nhiệt độ)	Không thuộc đối tượng
2	Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂	mg/Nm ³	360		
3	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm ³	720		
4	Nitơ Oxyt, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	612		

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức: $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó: C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm³. Giá trị C được áp dụng tại cột B để làm cơ sở tính toán. $K_p = 0,9$ (Lưu lượng nguồn thải (m³/h), $20.000 < P \leq 100.000$). $K_v = 0,8$ (Nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km; cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bụi và khí thải lò nung và lò sấy được tuần hoàn, khí thải từ lò sấy được đưa sang lò nung để tiếp tục đốt ở nhiệt độ cao hơn, bụi và khí thải ở lò nung được đưa tuần hoàn về lò sấy để cấp nhiệt cho quá trình sấy gạch (*hấp thụ trực tiếp vào gạch mộc*), việc tuần hoàn bụi và khí thải từ lò sấy và lò nung làm giảm thiểu bụi và khí thải, khí thải dư thừa tại lò sấy sẽ được xử lý qua dung dịch hấp thụ bằng nước vôi trong sau đó thoát qua ống khói chiều cao 22m, đường kính 0,9m bằng hệ thống quạt ly tâm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải từ lò nung → khoang lắng bụi → lò sấy tận dụng để sấy gạch (*một phần quay lại lò nung để tiếp tục đốt*) → quạt hút → hệ thống phun sương hấp thụ khí thải → ống khói ($D=0,9m$; $H=22m$) → môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 18.180 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch nước vôi trong (*vôi bột 10-15 kg/ngày*).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Công nghệ của lò nung tuynel sử dụng than cám phối trộn vào nguyên liệu sản xuất đất sét. Quy trình vận hành các thiết bị được sử dụng bằng điện, quá trình đốt cháy trong lò diễn ra ở môi trường ôxi hoá triệt để.

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, duy tu bảo dưỡng thiết bị, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp hiệu quả xử lý không đạt yêu cầu cần tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời để đảm bảo hoạt động ổn định.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc không có khả năng xử lý đạt yêu cầu, nhà máy sẽ tạm dừng sản xuất và tiến hành sửa chữa, khắc phục và hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Trang bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như quạt hút, ...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Nhà máy phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (*khí thải*) sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực và Công ty hoàn thành lắp đặt xong hệ thống xử lý khí thải, dự kiến 15 ngày (*trong đó, thời gian quan trắc 03 ngày liên tiếp và thời gian lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm 12 ngày*).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải của lò sấy.

a) Vị trí lấy mẫu

Ống khói lò sấy tại đầu ra của ống khói trước khi xả thải ra môi trường.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sàn thao tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3.4. Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.

3.5. Xây dựng kế hoạch và có lộ trình cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới hệ thống xử lý khí thải đảm bảo quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

Phụ lục số 03

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /7/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị khu vực nghiền than.
Tọa độ: X(m)= 2304128; Y(m)=561577.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống máy cán, nhào, máy ép tạo hình.
Tọa độ: X(m)= 2304117; Y(m)= 561567.

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị khu vực lò nung sấy.
Tọa độ: X(m)= 2304093; Y(m)=561598.

- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông đi lại trong khuôn viên nhà máy, xe vận chuyển gạch,...

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (*cố định, phân tán hoặc di động*) trong khuôn viên Nhà máy gạch Tuynel Mộc Châu tại Tổ dân phố 19/8, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*áp dụng đến ngày 31/12/2026*), QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*áp dụng từ ngày 01/01/2027*), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

- Theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Theo QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	-	Khu vực E

2.2. Độ rung

- Theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

- Theo QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Trang bị các dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại nhằm giảm tối đa khả năng phát sinh tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị hoạt động tại cơ sở đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Trồng cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn cản và giảm tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân đế máy để hạn chế độ rung; Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

- Hệ thống máy móc vận hành tại cơ sở được định kỳ bảo dưỡng theo đúng quy trình; yêu cầu công nhân vận hành máy móc theo đúng quy trình kỹ thuật và không hoạt động quá tải; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (*khi xuống cấp*) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục số 04**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /7/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Ắc quy chì thải	Rắn	150	19 06 01
2	Giẻ lau nhiễm dầu mỡ	Rắn	7	18 02 01
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không có clo	Lỏng	150	17 02 02
	Tổng		307	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Gạch vỡ, hỏng, loại sau nung	82
2	Gạch đỡ nung vỡ hỏng	72
3	Pallet gỗ hỏng	46
4	Xỉ than	1,9
	Tổng	201,9

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 55 kg/năm.**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại****2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã chất thải nguy hại và biển cảnh báo theo quy định.

- Khu vực lưu giữ: Khu vực lưu chứa diện tích 77 m², đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý chất thải nguy hại quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính

phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Tro xỉ từ quá trình nung, sấy được thu gom và tái sử dụng để làm gạch mộc (*trộn cùng đất để làm gạch*).

- Phế phẩm sau khi nung (*gạch vỡ, gạch kém chất lượng*) được thu gom và tận dụng 100% để nghiền, trộn tái sử dụng trong hoạt động sản xuất gạch tại Nhà máy.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa để thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn.

- Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế được lưu giữ để tái sử dụng hoặc bán phế liệu; chất thải thực phẩm được công nhân tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm. Đối với chất thải rắn sinh hoạt còn lại được vận chuyển đến khu vực thu gom của địa phương để xử lý.

- Yêu cầu Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La thực hiện đầy đủ việc đóng phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

Các hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng

phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố, đặc biệt các sự cố liên quan đến cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố hầm sảy lò tuynel (*sập, nổ*).

- Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

- Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục số 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /7/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Quyết định số 2844/QĐ-UBND ngày 15/11/2008 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền gạch Tuynel số II - Nhà máy gạch Tuynel Mộc Châu, tỉnh Sơn La công suất 15-20 triệu viên/năm. Một số nội dung thay đổi so với hồ sơ trên được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, môi trường, xây dựng, khoáng sản, công nghệ và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về khoảng cách an toàn, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường

trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở được đề ra trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

6. Theo Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thì Nhà máy gạch Tuynel Mộc Châu của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm kê và có kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Yêu cầu Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La thực hiện kiểm kê khí nhà kính, nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính của cơ sở và xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/06/2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

7. Thực hiện khai và nộp phí khí thải đảm bảo theo quy định của Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất. Công khai giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

10. Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.

11. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.